

CỤC ĐĂNG KÝ VIỆT NAM
TRUNG TÂM ĐĂNG KÝ PHƯƠNG TIỆN
GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ VÀ ĐƯỜNG SẮT
VIETNAM REGISTER
NATIONAL VEHICLE INSPECTION AND
CERTIFICATION CENTER
Số (Nº): 26KMC/235689



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence - Freedom - Happiness

**GIẤY CHỨNG NHẬN CHẤT LƯỢNG AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG XE MÁY CHUYÊN DÙNG NHẬP KHẨU**
(Certificate of conformity from inspection of technical safety quality and environmental
protection for imported transport construction machinery-TCM)

Tình trạng xe máy chuyên dùng (TCM's status): Đã qua sử dụng

Người nhập khẩu (Importer): CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ THÀNH NGUYÊN PHÁT

Địa chỉ (Address): 8/13 Đại lộ Bình Dương, Khu phố Tây, Phường Lái Thiêu, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Loại xe máy chuyên dùng (TCM's type): Xe lu rung

Nhãn hiệu (Trade mark): MIKASA

Tên thương mại (Commercial name): MRH-601

Số khung (Chassis Nº): Z3349

Nước sản xuất (Production country): JAPAN

Số tờ khai hàng hóa nhập khẩu/ngày (Customs declaration Nº/date): 108241305760/15/05/2026

Số biên bản kiểm tra (Inspection record Nº): 009259/26MC-077/006

Thời gian/Địa điểm kiểm tra (Inspection date/site): 01/06/2026 / Thành phố Hồ Chí Minh

Số đăng ký kiểm tra (Registered Nº for inspection): 009259/26MC

Mã kiểu loại (Model code): MRH-601DS

Màu xe (Vehicle color): Xanh

Số động cơ (Engine Nº): E756EW0203

Năm sản xuất (Production year): Không xác định

THÔNG SỐ KỸ THUẬT CƠ BẢN
(Major technical specification)

Khối lượng bản thân (Kerb mass):	536	kg
Kích thước bao: Dài x Rộng x Cao (Overall dimensions: L x W x H):	2265 x 692 x 1195	mm
Ký hiệu, loại động cơ (Engine model, engine type):	E75-E3-NB3, 4 kỳ, 1 xi lanh	
Loại nhiên liệu (Fuel):	Diesel	
Công suất lớn nhất của động cơ/ tốc độ quay (Max. engine output/ rpm):	4,6/2500	kW/rpm
Vận tốc di chuyển lớn nhất (Max travelling speed):	3	km/h

THÔNG SỐ KỸ THUẬT ĐẶC TRƯNG
(Special technical specification)

Lực rung lớn nhất (Max vibration force):	10,8	kN
Biên độ rung (Vibration amplitude):	---	mm
Tần số rung (Vibration frequency):	55	Hz
Số lượng/Kích thước bánh lu trước (Quantity/Front roller size):	1/355x650	-/mm
Số lượng/Kích thước bánh lu sau (Quantity/Rear roller size):	1/355x650	-/mm

Xe máy chuyên dùng đã được kiểm tra và đạt yêu cầu theo quy định của Thông tư số 54/2024/TT-BGTVT, ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

This TCM has been inspected and satisfied with requirements of the Circulars Nº 54/2024/TT-BGTVT issued on November 15th, 2024 by Minister of Ministry of Transport.

Hà Nội, ngày 03 tháng 06 năm 2026

Cơ quan chứng nhận

(Certification body)

TL. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM

TRƯỞNG PHÒNG PTGT ĐƯỜNG BỘ



Ký bởi: TRUNG TÂM ĐĂNG
KIỂM PHƯƠNG TIỆN GIAO
THÔNG ĐƯỜNG BỘ VÀ
ĐƯỜNG SẮT
Email: nvicc@vr.org.vn
Cơ quan: CỤC ĐĂNG KÝ
VIỆT NAM, BỘ XÂY DỰNG
Thời gian: 03/06/2026
08:01:06

Nguyễn Đan Quế

Ký bởi: Nguyễn Đan
Quế

Email:

quend.vr@mt.gov.vn

Cơ quan: CỤC ĐĂNG

KIỂM VIỆT NAM, BỘ

XÂY DỰNG

Thời gian:

03/06/2026 08:01:05

Lưu ý: Giấy chứng nhận này sẽ không còn giá trị nếu chất lượng của phương tiện đã kiểm tra bị ảnh hưởng do vận chuyển, bảo quản, bốc xếp v.v...
Note: This certificate will be expired if quality of the inspected motor vehicle is influenced by carrying, landing, storing, etc...

CQ A 3920368